

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **385/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/4/2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**.
2. Bà **Nguyễn Thị Vạn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngân** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hiền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Quang H**, sinh năm 1967 – Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Nhà không số tổ 5, ấp 3, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Hà Thị P**, sinh năm 1970 – Vắng mặt.

Nơi cư trú cuối cùng: Nhà không số tổ 5, ấp 3, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Hà Thị P là người mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 73/2017/QĐDS-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn ngày 26/02/2018 và tại bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Quang H trình bày:

Ông H và bà Hà Thị P chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Lương S, thành phố Thái N, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 05. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù ông bà đã cố gắng hàn gắn do bà P đã bỏ đi từ năm 2014. Ông H và bà P cũng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Sau nhiều lần tìm kiếm không thành công; đến năm 2017, ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố bà Hà Thị P là người mất tích. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay ông Trần Quang H yêu cầu được ly hôn với bà Hà Thị P.

Về con chung: Ông H và bà P chung sống có 01 con chung tên là Trần Ngọc K (nam), sinh năm 1990 (đã trưởng thành), có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Ông H yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông H xác nhận không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Hà Thị P là người mất tích, vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau: Về Tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang H đối với bà Hà Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trần Quang H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Hà Thị P. Căn cứ vào Quyết định giải quyết việc dân sự số 73/2017/QĐDS-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì: “*Bà Hà Thị P, sinh năm 1970; nơi cư trú cuối cùng: Nhà không số tổ 5, ấp 3, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh là người mất tích...*” nên theo quy định vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Bà Hà Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà Hà Thị P.

+ Ông Trần Quang H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Quang H.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Ủy ban nhân dân xã Lương S, thành phố Thái N, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 25/7/1990 thì có cơ sở

xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quang H và bà Hà Thị P là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Quang H trình bày: Ông H và bà Hà Thị P chung sống với nhau từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 vào ngày 25/7/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Lương S, thành phố Thái N, tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Bà P đã bỏ nhà đi đâu không rõ từ năm 2014 nên ông H và bà P sống ly thân từ đó cho đến nay. Sau nhiều lần tìm kiếm không thành công; đến năm 2017, ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố bà Hà Thị P là người mất tích. Nay ông H yêu cầu được ly hôn với bà Hà Thị P.

Căn cứ vào Công văn số 2242/UBND ngày 06/7/2018 (Công văn đến số 338/CVĐ ngày 13/3/2019) của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của ông Trần Quang H thì: *“Hiện nay giữa ông Trần Quang H và bà Hà Thị P đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, cuộc sống hôn nhân giữa ông Trần Quang H và bà Hà Thị P, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn. Do bà Hà Thị P đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, không còn tạm trú tại địa chỉ Nhà không số tổ 5, ấp 3, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2014 đến nay...”*.

Như vậy, ông H và bà P không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cả hai đã ly thân từ năm 2014 đến nay đã hơn 04 năm. Mục đích hôn nhân giữa ông H và bà P đã không còn, bà P bỏ nhà đi và không có tin tức gì, không thông báo cho ông H biết bà P đang ở đâu, làm gì cho thấy bà P không muốn chung sống với ông H nữa.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015: *“...2. Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.”*

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“...2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.”*

Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình C, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông Trần Quang H yêu cầu ly hôn với bà Hà Thị P là hoàn toàn phù hợp với quy định được viện dẫn trên đây nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Quang H đối với bà Hà Thị P.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ lời khai của ông Trần Quang H: Quá trình chung sống, ông H và bà P có 01 con chung tên là Trần Ngọc K (nam), sinh năm 1990 đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có khả năng lao động. Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

[3.3] Về tài sản chung:

+ Ông H yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bà Hà Thị P là người mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 73/2017/QĐDS-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Điều 69 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Người đang quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú quy định tại Điều 65 của Bộ luật này tiếp tục quản lý tài sản của người đó khi người đó bị Tòa án tuyên bố mất tích và có các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Bộ luật này.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích ly hôn thì tài sản của người mất tích được giao cho con thành niên hoặc cha, mẹ của người mất tích quản lý; nếu không có những người này thì giao cho người thân thích của người mất tích quản lý; nếu không có người thân thích thì Tòa án chỉ định người khác quản lý tài sản.”

Tuy nhiên, Quyết định giải quyết việc dân sự số 73/2017/QĐDS-ST ngày 11/9/2017 không xác định rõ ai là người quản lý tài sản của người bị Tòa án tuyên bố mất tích là bà Hà Thị P. Ông Trần Quang H không phải là người có quyền quản lý tài sản của bà Hà Thị P. Hội đồng xét xử xét thấy cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giải quyết việc dân sự số 73/2017/QĐDS-ST ngày 11/9/2017 về việc xác định rõ ai là người quản lý tài sản của người bị Tòa án tuyên bố mất tích là bà Hà Thị P.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa ông Trần Quang H và bà Hà Thị P trong vụ án này. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.4] *Về nợ chung:* Ông Trần Quang H xác nhận quá trình chung sống vợ chồng ông không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa ông Trần Quang H và bà Hà Thị P. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì Ông Trần Quang H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68, Điều 69, khoản 3 Điều 70 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Quang H đối với bà Hà Thị P.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quang H và bà Hà Thị P chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Ủy ban nhân dân xã Lương S, thành phố Thái N, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 25/7/1990 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật; kể cả trong trường hợp bà Hà Thị P trở về hoặc có tin tức xác thực về bà Hà Thị P, quyết định cho ly hôn vẫn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Trần Quang H và bà Hà Thị P chung sống có 01 con chung tên là Trần Ngọc K (nam), sinh năm 1990 đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề con chung giữa ông Trần Quang H và bà Hà Thị P.

3. Về tài sản chung: Ông Trần Quang H yêu cầu tự thỏa thuận về tài sản chung. Tuy nhiên chưa xác định được người quản lý tài sản của bà Hà Thị P là người mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 73/2017/QĐDS-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa ông Trần Quang H và bà Hà Thị P. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Kiến nghị Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung Quyết định giải quyết việc dân sự số 73/2017/QĐDS-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định rõ ai là người quản lý tài sản của người bị Tòa án tuyên bố mất tích là bà Hà Thị P.

4. Về nợ chung: Ông Trần Quang H xác định ông H và bà P chung sống không nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa ông Trần Quang H và bà Hà Thị P. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Quang H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0031514 ngày 08/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Quang H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Quang H và bà Hà Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- UBND xã Lương S, thành phố Thái N, tỉnh Thái Nguyên (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền